

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2020

“V/v ly hôn và yêu cầu
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24/02/2020 về việc “Ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị N, sinh năm 1990 (có mặt);

Nơi ĐKKHKT: ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Bình Hòa, xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Anh Danh T, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 13/11/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị N trình bày:

Vào năm 2010, chị kết hôn cùng với anh Danh T, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 21/10/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175/2011 quyển số 01/2011. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống nên thường xảy ra cự cãi, mỗi lần cãi nhau là anh T lại đánh chị, kể cả lúc chị đang mang thai sắp sinh anh T cũng đánh chị. Do không chịu nổi cảnh bạo lực gia đình nên chị đã bỏ về nhà mẹ ruột ở và sống ly thân với anh T từ tháng 10/2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị đã suy nghĩ rất kỹ là không thể hàn gắn với chồng được nữa nên quyết định ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có ba người con chung tên: Danh Thị Ngọc M – sinh ngày 26/4/2011, Danh Thị Ngọc B - sinh ngày 23/4/2013 và Danh Phòl L - sinh ngày 07/4/2015. Trong thời gian ly thân, chị trực tiếp nuôi con là Danh Phòl L, còn anh T nuôi dưỡng chăm sóc hai con Danh Thị Ngọc M và Danh Thị Ngọc B. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên vọng: Về quan hệ hôn nhân, chị Thị N yêu cầu ly hôn với anh Danh T. Về con chung, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con là Danh Thị Ngọc M và Danh Phòl L; chị N đồng ý giao con là Danh Thị Ngọc B cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; không bên nào cấp dưỡng cho bên nào. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 19/3/2020 bị đơn anh Danh T thống nhất với lời trình bày của chị N về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Còn về mâu thuẫn vợ chồng thì anh T cho rằng là do chị N đòi đi Bình Dương làm một mình anh không đồng ý nhưng chị N vẫn không bỏ ý định nên vợ chồng xảy ra cự cãi. Trong lúc nóng giận không kiềm chế được nên anh có đánh chị N hai, ba lần rồi chị N bỏ về nhà mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay.

Nguyên vọng: Về hôn nhân anh T không đồng ý ly hôn, muốn đoàn tụ gia đình. Nếu vợ kiên quyết ly hôn thì con theo ai người đó nuôi, không ai cấp dưỡng cho ai. Về tài sản chung, nợ chung không có nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh T được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền đúng quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Danh T với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị N và anh Danh T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trước UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175/2011, ngày 21/10/2011 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Thị N xin ly hôn với anh Danh T vì lý do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống nên thường xảy ra cự cãi, mỗi lần cãi nhau là anh T lại đánh chị, kể cả lúc chị đang mang thai sắp sinh anh T cũng đánh. Còn anh T thừa nhận là anh có đánh vợ hai ba lần nhưng vì chị N không nghe lời anh mà đòi đi Bình Dương làm một mình, trong lúc cự cãi quá quá nên anh mới đánh chị N nhưng anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn mà

muốn vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị N đã thể hiện rõ thái độ không còn tình cảm với chồng và không thể chịu đựng việc bị chồng đánh đập, hành hạ nữa nên cương quyết ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau 10 năm chung sống, giữa chị N và anh T đã không còn duy trì được tình cảm yêu thương với nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng thường xảy ra cụ thể là những lần anh T dùng bạo lực đối với chị N. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị N.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh T có ba người con chung tên Danh Thị Ngọc M – sinh ngày 26/4/2011, Danh Thị Ngọc B - sinh ngày 23/4/2013 và Danh Phò L - sinh ngày 07/4/2015. Anh chị thỏa thuận với nhau sau khi ly hôn là giao cháu Danh Thị Ngọc M và Danh Phò L cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Danh Thị Ngọc B cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh T là phù hợp với thực tế, đúng theo nguyện vọng của cháu Mai và cháu Bích; đồng thời là đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị N và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị N và anh Danh T xác định anh chị không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đ chị N phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận cho chị Thị N được ly hôn với anh Danh T.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Danh Thị Ngọc M – sinh ngày 26/4/2011 và Danh Phò L - sinh ngày 07/4/2015 cho chị Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con tên Danh Thị Ngọc B - sinh ngày 23/4/2013 cho anh Danh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thị N và anh Danh T đều có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thị N phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0008790 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị N đã nộp xong án phí.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã VHH Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Danh Thị Kiều Oanh